

Bản án số: **38/2023/DS - PT**

Ngày: 17/7/2023

*V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Lê Quý My

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 và ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phùng Quang N, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm B, xã B, TP., tỉnh Thái Nguyên;

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm P, xã B, TP., tỉnh Thái Nguyên

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phạm Ngọc A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt ngày 16/6, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/7)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Tổ 1, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949, công chứng viên. Địa chỉ: Tổ A, phường T, TP., tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn anh N trình bày:

Về nguồn gốc đất: Năm 2018 anh được bố mẹ đẻ tặng cho thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m² mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, có địa chỉ tại xóm B, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy CNQSD số CQ 097503 ngày 21/11/2018 mang tên anh Phùng Quang N,

A và chị Hoàng Thị D chung sống với nhau và có 01 con chung (nhưng không đi đăng ký kết hôn) nên ngày 25/4/2019 anh đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m², địa chỉ tại xóm B, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên cho chị Hoàng Thị D. Việc lập hợp đồng tặng cho anh hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc gì. Hợp đồng được lập tại Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên. Khi lập hợp đồng tặng cho xong anh đã giao giấy CNQSD đất cho chị D cầm để đi làm thủ tục, nhưng chưa chỉ vị trí ranh giới của thửa đất, cũng chưa đi kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật, trên đất tại thời điểm tặng cho chưa có tài sản, công trình gì. Chị D cũng chưa đi làm thủ tục sang tên theo quy định. Khoảng 2 tháng sau khi lập hợp đồng tặng cho, chị D có quan hệ với người khác nên anh đã đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý cho chị D nữa. Tháng 8/2019 anh xây dựng cửa hàng trên toàn bộ diện tích của thửa đất và đến cuối năm 2020 anh xây tiếp công trình trên đất sử dụng từ đó đến nay.

Ngày 21/12/2021 anh đến nhà riêng chị D để nói chuyện và yêu cầu chị D cùng anh đến Văn phòng C để hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng chị D không đồng ý. Hiện tại thửa đất trên anh đã xây dựng công trình trên đất, đất và nhà vẫn do anh quản lý và sử dụng.

Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất tại thửa số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m² mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/11/2018 số CQ 097503 mang tên Phùng Quang N, có địa chỉ tại xóm B, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Hợp đồng công chứng số 1241, quyển số 01/CCTT/2019 tại Văn phòng công chứng Trung Thành tỉnh C.

Căn cứ đề nghị hủy: Nguồn gốc đất anh lập hợp đồng tặng cho chị D là của bố mẹ anh cho chứ không phải của anh. Tại thời điểm tặng cho chị D, anh và chị D có quan hệ tình cảm với nhau nhưng chưa đi đăng ký kết hôn. Mục đích tặng cho là để tạo mối quan hệ sau này, gắn bó lâu dài và tiến tới hôn nhân giữa anh và chị D. Khi lập hợp đồng tặng cho xong anh cũng chưa giao đất và chỉ ranh giới thửa đất cho chị D, chị D cũng chưa nhận đất và chưa biết ranh giới đất ở chỗ nào, chị D cũng chưa đi đăng ký và làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lý do anh chưa giao thửa đất và ranh giới cho chị D vì trước đây anh và chị D có quan hệ tình cảm với nhau, sau

khi làm hợp đồng xong chị D lại có quan hệ với người khác không còn tình cảm nữa, nên anh không đồng ý cho nữa và đã đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tháng 8/2019 và cuối năm 2020 anh đã xây dựng quán bán hàng tạp hóa và sử dụng ổn định từ thời gian đó đến nay không tranh chấp với ai.

Chị D có đơn phản tố đề nghị Tòa án buộc anh tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 25/4/2019 tại Văn phòng C anh không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của bị đơn chị D và bà A là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày:* Chị D và anh Phùng Quang N có quan hệ tình cảm với nhau và có một con chung sinh năm 2013 (không có đăng ký kết hôn). Ngày 25/4/2019 anh N và chị D có đến Văn phòng C làm thủ tục tặng cho đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m² mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/11/2018 số CQ 097503 mang tên Phùng Quang N, có địa chỉ tại xóm B, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Hợp đồng công chứng số 1241, quyền số 01/CCTT/2019 tại Văn phòng công chứng Trung Thành tỉnh C. Khi ký hợp đồng chị D và anh N đều được công chứng viên giải thích rõ quyền và nghĩa vụ, hậu quả pháp lý khi ký hợp đồng tặng cho này. Thời điểm đó chị D và anh N vẫn đang sống cùng nhau, lý do chị D chưa sang tên ngay là vì chị D tin tưởng anh N và vì giữa chị D và anh N đã có con chung, anh N bảo cho con chung thửa đất đó, nhưng thửa đất chị D được tặng cho đang có một ngôi nhà trên hai thửa đất chưa phân rõ ranh giới, anh N bảo để anh chia rõ ranh giới không sau này con cái lại tranh nhau lên chị D chưa đi làm được thủ tục sang tên thửa đất trên.

Sau khi chị D và anh N lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Văn phòng C xong, chị D có về sinh sống và xây dựng nhà ở tạm cấp 4 trên đất. Năm 2021 chị D và con chung không sinh sống cùng anh N nữa mà chuyển đi ở nơi khác. Tháng 10/2021 chị D thấy anh N có ý định bán thửa đất trên nên chị D đã làm đơn ra Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và UBND xã B yêu cầu ngừng giao dịch việc mua bán.

Nay anh N đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất tại thửa số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m² mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/11/2018 số CQ 097503 mang tên Phùng Quang N, có địa chỉ tại xóm B, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Hợp đồng công chứng số 1241, quyền số 01/CCTT/2019 tại Văn phòng công chứng Trung Thành tỉnh C chị D không nhất trí vì hợp đồng tặng cho trên không phải là hợp đồng tặng cho có điều kiện, khi anh Ngọc t cho chị D là hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, sáng suốt không bị ép buộc. Việc chị D chưa sang tên lý do xuất phát từ phía anh N.

Chị D có đơn phản tố đề nghị Tòa án tuyên: Buộc anh Phùng Quang N tiếp tục thực hiện Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1241, quyền

số 01.CCTT/2019 tại Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên, giao thửa đất số 371, tờ bản đồ số 26 (96-III) diện tích 281m² tại xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên đã được cấp giấy CNQSD đất số phát hành CQ 097503 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 21/11/2018 mang tên Phùng Quang N.

Tại phiên toà bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 25/4/2019 giữa anh N và chị D tại Văn phòng C đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m², địa chỉ xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Nhất trí đề nghị Toà án tuyên huỷ Hợp đồng tặng cho đã ký kết giữa các bên tại văn phòng C và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà trong thời hạn 15 ngày để cung cấp tài liệu về việc chuyển tiền xây dựng nhà trên phần đất chuyển cho.

Tại phiên toà ngày 09/01/2023 bị đơn và người uỷ quyền của bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ là Bảng sao kê tài khoản về việc chị D chuyển tiền hai lần vào ngày 02/02/2021 và ngày 09/02/2021 từ số tài khoản 8509205056024 của chị D vào số tài khoản 8509205037860 của anh Phùng Quang N tại Ngân hàng N1, chi nhánh thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Chị D cho rằng khoản tiền trên là chị chuyển cho anh N, để anh N trả tiền xây dựng nhà, nay chị yêu cầu anh N trả cho chị số tiền 83.550.000 đồng. Anh N không nhất trí và cho rằng việc xây dựng nhà là do anh xây dựng toàn bộ chị D không đóng góp gì, số tiền 83.550.000 đồng chị D chuyển vào tài khoản của anh ngày 02/02/2021 anh xác nhận đó là khoản tiền chị D chuyển cho anh để anh trả ngân hàng khoản tiền mua thửa đất 101+ 102 diện tích 200m² tại khu dân cư S, phường T, thành phố T năm 2018, mà anh đã sang tên cho chị D và chị D đã bán để hưởng lợi. Tại phiên toà anh N cũng xuất trình 01 chứng từ giao dịch ngày 02/02/2021 trả Ngân hàng khoản tiền vay mua đất số tiền 82.899.727 đồng theo Hợp đồng tín dụng: 8509-LAV-201900153 ngày 08 tháng 02 năm 2018.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 07/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên trình bày:*

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/4/2019, Hợp đồng công chứng số 1241, quyển số 01/CCTT/2019 do Công chứng viên Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên công chứng ngày 25/4/2019 được thực hiện tại trụ sở Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên giữa bên tặng cho là anh N với bên nhận tặng cho là chị Hoàng Thị D. Tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên giao kết hợp đồng hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt. Anh N và chị D đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, đã đọc lại hợp đồng, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký tên vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Quyền sử dụng đất anh Ngọc t cho chị D không bị cơ quan có thẩm quyền đề nghị ngăn chặn hoặc tạm đình chỉ thực hiện các quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DSST ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

1. Ghi nhận sự thoả thuận của nguyên đơn anh Phùng Quang N và bị đơn chị Hoàng Thị D về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 25/4/2019 giữa anh Phùng Quang N và chị Hoàng Thị D.

Tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên công chứng số 1241, quyển số 01/CCTT/2019 ngày 25/4/2019 giữa anh Phùng Quang N và chị Hoàng Thị D đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ số 26 (96-III) diện tích 281m² tại xã B, thành phố S, Thái Nguyên.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị D về buộc anh Phùng Quang N tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên công chứng số 1241, quyển số 01/CCTT/2019 ngày 25/4/2019 về giao thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III), diện tích 281m², mang tên ông Phùng Quang N, có địa chỉ tại xã B, Tp S, Thái Nguyên.

3. Không chấp nhận yêu cầu kiện đòi tài sản (là tiền) số tiền 83.550.000 đồng của chị Hoàng Thị D đối với anh Phùng Quang N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2023 bị đơn chị Hoàng Thị D kháng cáo toàn bộ bản án, với lý do trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, giữa nguyên đơn và bị đơn có nhiều lời khai còn mâu thuẫn nhưng Thẩm phán không xác minh, không đối chất dẫn đến đưa ra quyết định bản án không đúng, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DSST ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Hoàng Thị D kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q vắng mặt. Xét thấy ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn thấy:

[2.1] Ngày 25/4/2016 tại Văn phòng C, anh Phùng Quang N đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III), diện tích 281m², loại đất trồng cây hàng năm khác tại xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên cho chị Hoàng Thị D.

[2.2] Về hình thức, thủ tục thực hiện việc ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh N và chị D đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật tại các Điều 457, Điều 459, Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Sau khi ký hợp đồng tặng cho chị D đã không tiến hành làm thủ tục sang tên để được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích anh N đã tặng cho. Chị D đã vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng là “Bên B có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” nên việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh N và chị D chưa có hiệu lực theo quy định tại Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh N và chị D chưa có hiệu lực pháp luật nên anh N vẫn có đầy đủ các quyền tài sản của mình đó là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt, anh N đã xây dựng công trình trên đất và sử dụng ổn định từ đầu năm 2019 đến nay, chị D không có ý kiến gì

[2.3] Tại phiên toà bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 25/4/2019 giữa anh N và chị D tại Văn phòng C đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III) diện tích 281m², địa chỉ xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Nhất trí đề nghị Toà án tuyên huỷ Hợp đồng tặng cho đã ký kết giữa các bên tại Văn phòng C

Đây là sự tự nguyện và tự định đoạt của các bên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị D về việc buộc anh Phùng Quang N tiếp tục thực hiện Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1241, quyển số 01.CCTT/2019 tại Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ số 26 (96-III) diện tích 281m² tại xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

[3.] Về nội dung bị đơn cho rằng đã chuyển cho nguyên đơn 83.550.000đ để xây nhà, bị đơn không có đơn yêu cầu giải quyết, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cũng xác định không yêu cầu giải quyết số tiền trên, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm cho rằng cần giải quyết trong vụ án là không chính xác. Hội đồng xét xử cần sửa nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4.] Nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng có nhiều mâu thuẫn chưa được cấp sơ thẩm làm rõ nhưng không trình bày được là mâu thuẫn gì? Cần xác minh gì do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[5.] Đại diện theo ủy quyền của chị D cho rằng chị D không thỏa thuận hủy hợp đồng tặng cho giữa anh N và chị D. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị D có ý kiến không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng tặng cho giữa nguyên đơn và bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần công nhận này của bản án sơ thẩm.

[6.] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

[7.] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên chị D không phải chịu án phí phúc thẩm.

[8.] Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị D phải chịu chi phí thẩm định, định giá, chị D phải trả số tiền 9.500.000 đồng cho anh Phùng Quang N đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 300; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị D. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DSST ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Quang N
2. Tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên công chứng số 1241, quyền số 01/CCTT/2019 ngày 25/4/2019 giữa anh Phùng Quang N và chị Hoàng Thị D đối với thửa đất số 371, tờ bản đồ số 26 (96-III) diện tích 281m² tại xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.
3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị D về buộc anh Phùng Quang N tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại Văn phòng C, tỉnh Thái Nguyên công chứng số 1241, quyền số 01/CCTT/2019 ngày 25/4/2019 về giao thửa đất số 371, tờ bản đồ 26 (96-III), diện tích 281m², mang tên ông Phùng Quang N, có địa chỉ tại xã B, Tp S, tỉnh Thái Nguyên.
4. Về án phí:
 - Án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà Nước.
 - + Anh Phùng Quang N được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001554 ngày 15/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hoàng Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001781 ngày 30/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị D phải chịu chi phí thẩm định, định giá, chị D phải hoàn trả số tiền 9.500.000đ (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) cho anh Phùng Quang N, do anh N đã nộp tạm ứng.

6. Nghĩa vụ thi hành thi hành theo Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Sông Công;
- THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lý